TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Tâm

2. Ông Lê Phú Tâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hà Minh H, sinh năm 1949; thường trú: Xóm 4, Thôn Ngọc H, xã V, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1983; địa chỉ: 1/21A khu phố Tân A, phường Tân Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2019). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; thường trú: 301 đường Nguyễn Thị Tươi (đường cũ N2), Tổ 14, khu phố Tân T, phường Tân B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Hà Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Minh H và bà Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân năm 1975, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Xóm 4, Thôn Ngọc H, xã V, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương đến khoảng năm 2002 thì chuyển vào Bình Dương sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2000 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà Nguyễn Thị N ghen vô cớ nên không khí gia đình luôn căng thẳng, tình cảm vì vậy mà phai nhạt. Nguyên đơn đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay. Ông H xác định hôn nhân của ông và bà Nụ không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Ông H và bà N có 04 người con chung tên Hà Thị D, sinh ngày 24/9/1977; Hà Thị B, sinh ngày 06/01/1980; Hà Thị N1, sinh ngày 22/5/1988 và Hà Thị A, sinh ngày 01/5/1990. Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Trong đơn khởi kiện ông Hạnh có yêu cầu Tòa án chia đôi phần tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm nhà và đất tọa lạc tại số 301, đường Nguyễn Thị T (đường cũ N2), Tổ 14, khu phố Tân T, phường Tân B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có diện tích 60m^2 thuộc thửa 1543, tờ bản đồ số E5.4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB915546 do Sở tài nguyên và môi trường cấp cho ông Hà Minh H ngày 13/4/2016. Tuy nhiên, vào ngày 04/10/2019 nguyên đơn nộp đơn rút phần yêu cầu chia tài sản này, chỉ yêu cầu giải quyết ly hôn do vợ chồng đã tự thỏa thuận được với nhau.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/8/2019; tham gia phiên tòa vào các ngày 16/9/2019 và ngày 04/10/2019 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của ông H và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông H và bà N do Tòa án tiến hành ngày 06/8/2019, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Ông H và bà N trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án ông Hạnh không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ theo đơn ngày 04/10/2019 nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn với bị đơn. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên đề nghị Tòa án xem xét đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 16/9/2019 và ngày 04/10/2019 nhưng bà Nguyễn Thị N vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị N.

[1.2] Căn cứ theo đơn ngày 04/10/2019 nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn với bị đơn. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên Tòa án chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Hà Minh H và bà Nguyễn Thị N tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1975, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh H, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương thể hiện tại đơn xác nhận của UBND xã Vĩnh Hòa ngày 23/8/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Hà Minh H và bà Nguyễn Thị N là hợp pháp.

[2.2] Nguyên đơn xác định quá trình chung sống với bị đơn vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do bị đơn thường ghen vô cớ, cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, làm cho không khí gia đình ngột ngạt nên nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương bị đơn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bị đơn đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của bị đơn đối với nguyên đơn thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[2.3] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

[2.4] Việc bị đơn không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với nguyên đơn cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận

[2.5] Về con chung: Ông Hà Minh H và bà Nguyễn Thị N có 04 người con chung: Hà Thị D, sinh ngày 24/9/1977; Hà Thị B, sinh ngày 06/01/1980; Hà Thị N1, sinh ngày 22/5/1988 và Hà Thị A, sinh ngày 01/5/1990, hiện nay các con chung đã trưởng thành nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[.2.8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông H không phải chịu án phí, do ông là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 và Điều 12, 13 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 15, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Minh H về việc tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Nụ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Minh H về việc tranh chấp ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về hôn nhân: Ông Hà Minh H được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Các chung của nguyên đơn và bị đơn đều đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Hà Minh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Minh H là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định pháp luật nên ông H không phải chịu án phí ly hôn và không đặt ra vấn đề xử lý tiền tạm ứng án phí.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- UBND xã Vĩnh H, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngà